CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 04179/2026/PKQ (26.2989)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN TÍN NGHĨA**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN TAM PHƯỚC - Đường số 2, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Tỉnh Đồng Nai

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	**Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/** *Sampling locations*	**Tọa độ/** *Coordinate*
26.2989.NT.03	Nước thải đầu ra Hệ thống Xử lý nước thải	X=1201119, Y=410627

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) */Sample date (Sample receipt)*: 01/06/2026

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 08/06/2026

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	**Thông số/** *Parameters*	**Đơn vị/** *Unit*	**Phương pháp thử nghiệm/** *Testing methods*	**Kết quả/** *Testing result*	**QCVN 40:2011/BTNMT**
				26.2989.NT.03	**Cmax(1)**
1	pH(a)	-	TCVN 6492:2011	7,45	**6 ÷ 9**
2	Nhiệt độ(a)	°C	SMEWW 2550B:2023	31,1	**40**
3	Clo dư(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	0,29	**0,81**
4	Độ màu(a)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	26,8	**50**
5	TSS(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=3)	**40,5**
6	COD(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	14,4	**60,75**
7	BOD_5(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	6,5	**24,3**
8	Amoni (NH_4^+ tính theo N)(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&C:2023	KPH (MDL=1)	**4,05**
9	F^-(a)	mg/L	SMEWW 4500-F.B&D:2023	0,482	**4,05**
10	S^{2-}(a)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023	KPH (MDL=0,03)	**0,162**
11	Tổng Nito(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	<6	**16,2**
12	Tổng Phosphor(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,15	**3,24**
13	Fe(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,11	**0,81**
14	CN^-(a)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,001)	**0,0567**
15	Coliform(a)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	$1,4x10^3$	**3.000**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval o company

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com

VIMCERTS 292

16	Pb[(a)]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0015)	**0,081**
17	Crom (III) (Cr^{3+})[(a)]	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,025)	**0,162**
18	Tổng dầu mỡ khoáng[(a)]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	**4,05**
19	Tổng Phenol[(a)]	mg/L	SMEWW 5530C:2023	KPH (MDL=0,001)	**0,081**
20	As[(a)]	mg/L	SMEWW 3114C:2023	KPH (MDL=0,001)	**0,0405**
21	Cu[(a)]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	**1,62**
22	Zn[(a)]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,12	**2,43**
23	Mn[(a)]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,075	**0,405**
24	Ni[(a)]	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,04)	**0,162**
25	Crom VI (Cr^{6+})[(a)]	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,003)	**0,0405**
26	Hg[(a)]	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (MDL=0,0003)	**0,00405**
27	Cd[(a)]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)	**0,0405**

Chú thích/ *Remarks:*
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
3. (1): Cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

M.S.D.N: 0316800274 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THỊ THỦY